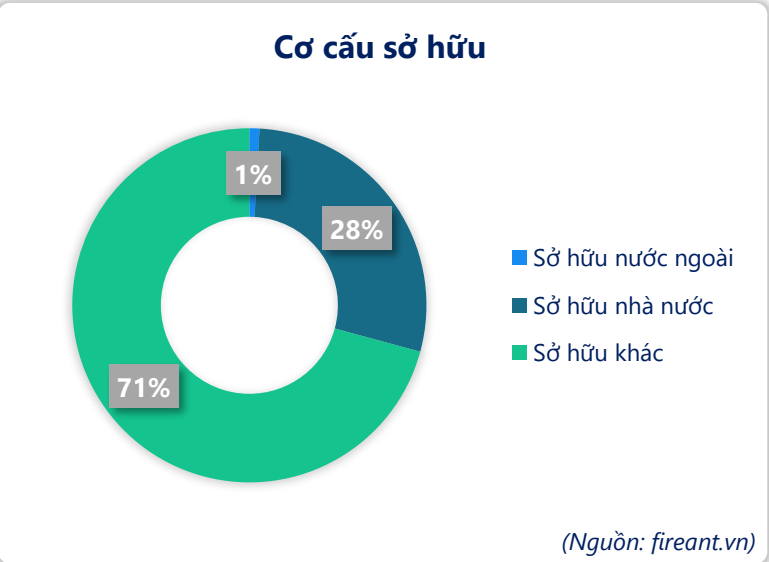
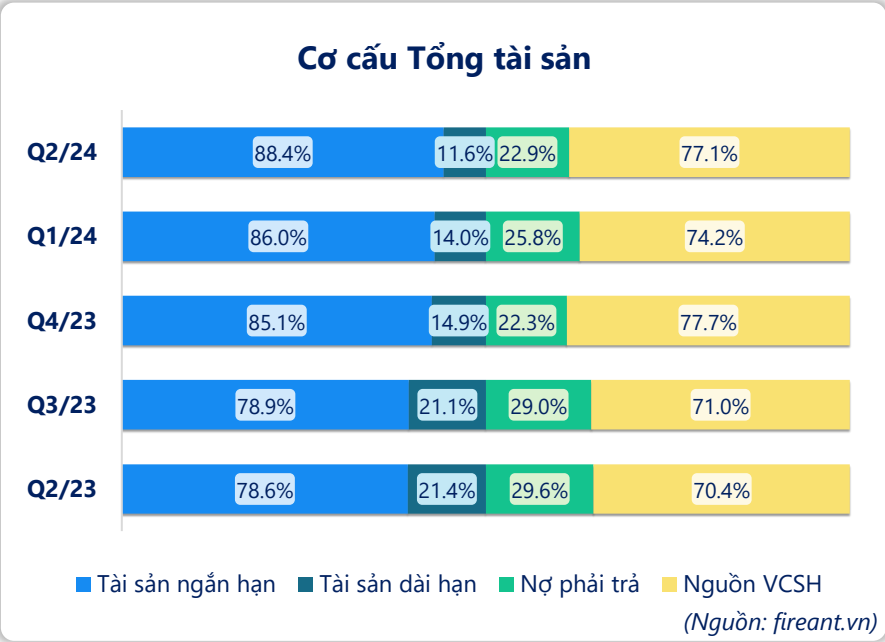
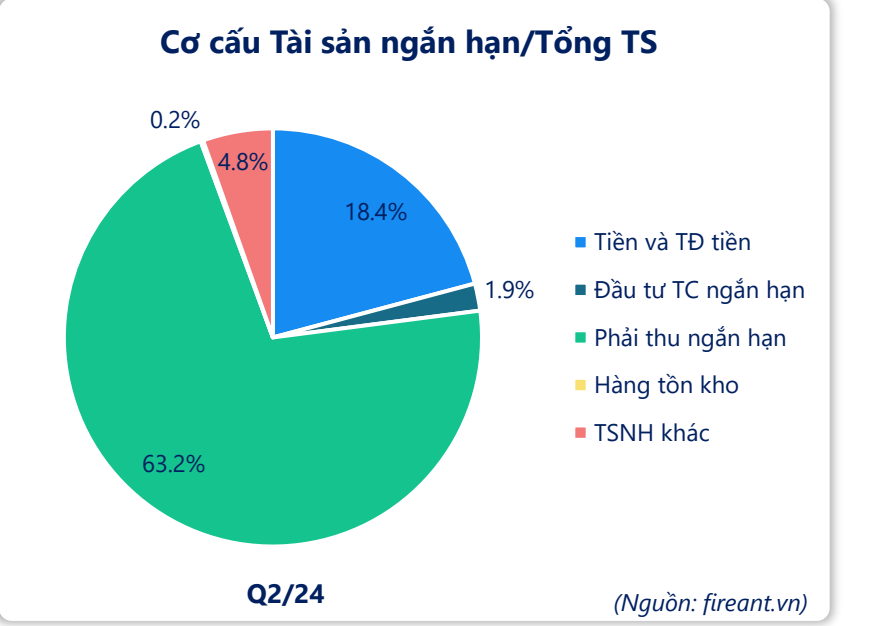
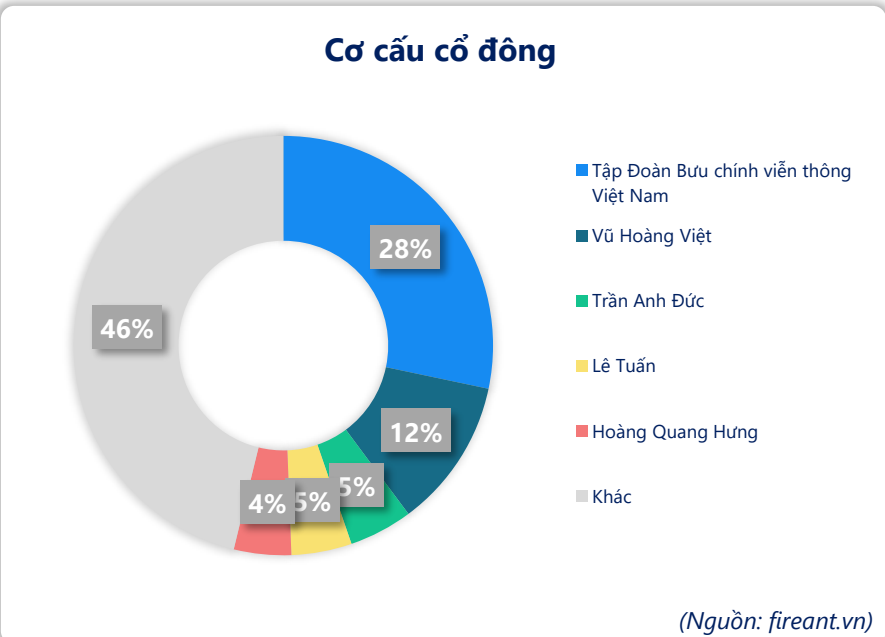
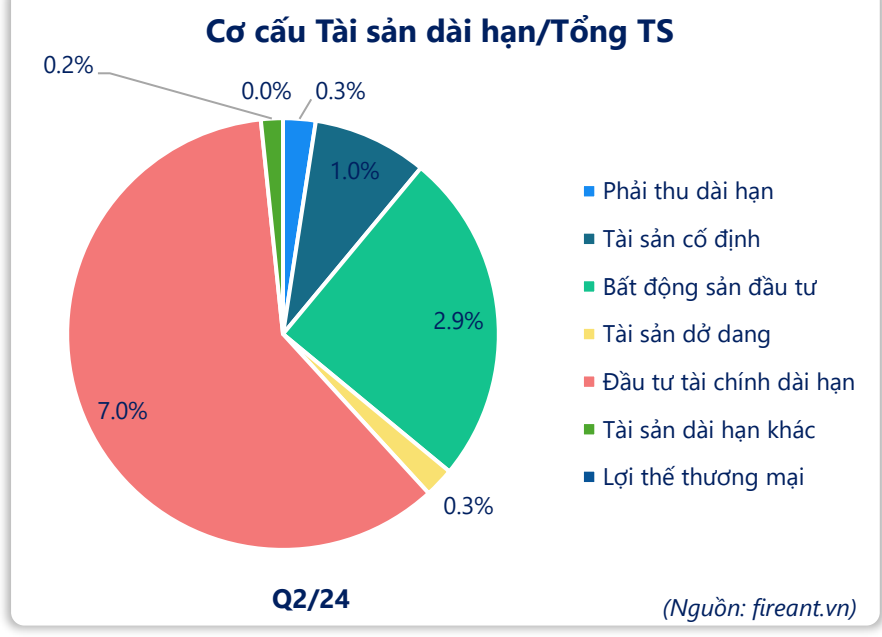
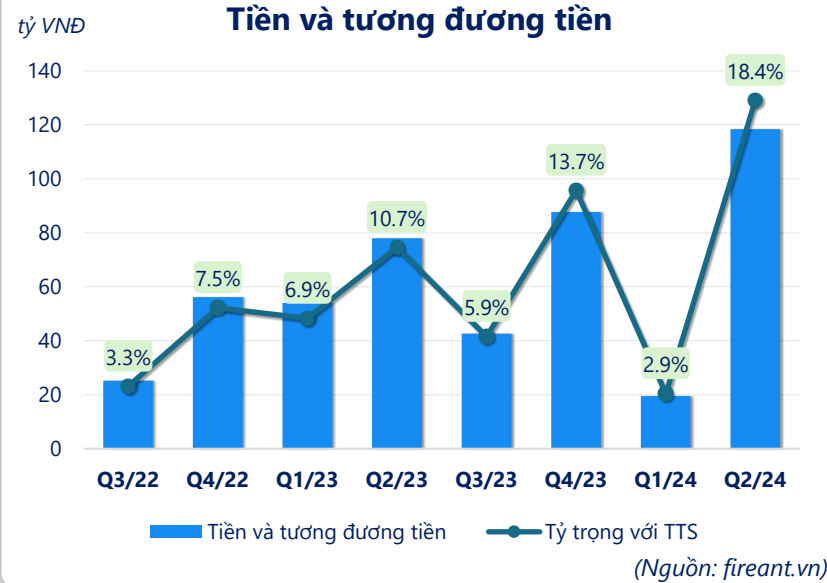
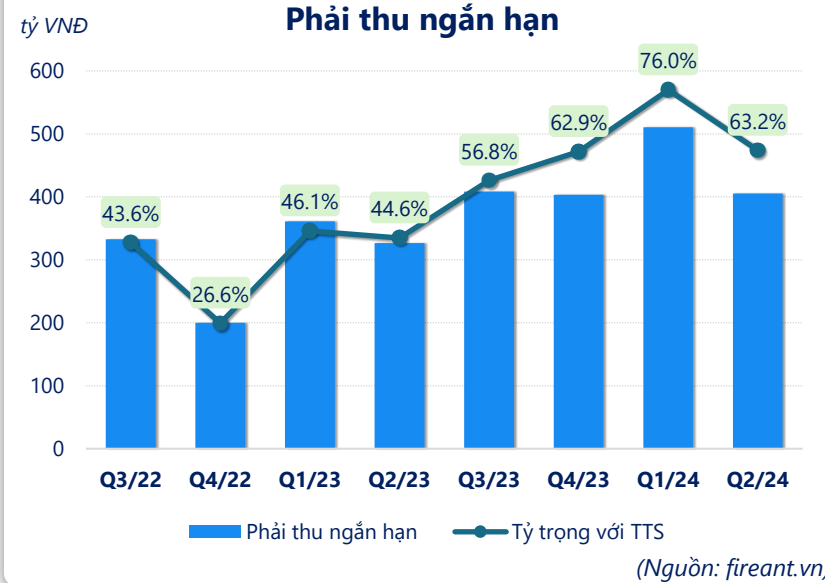
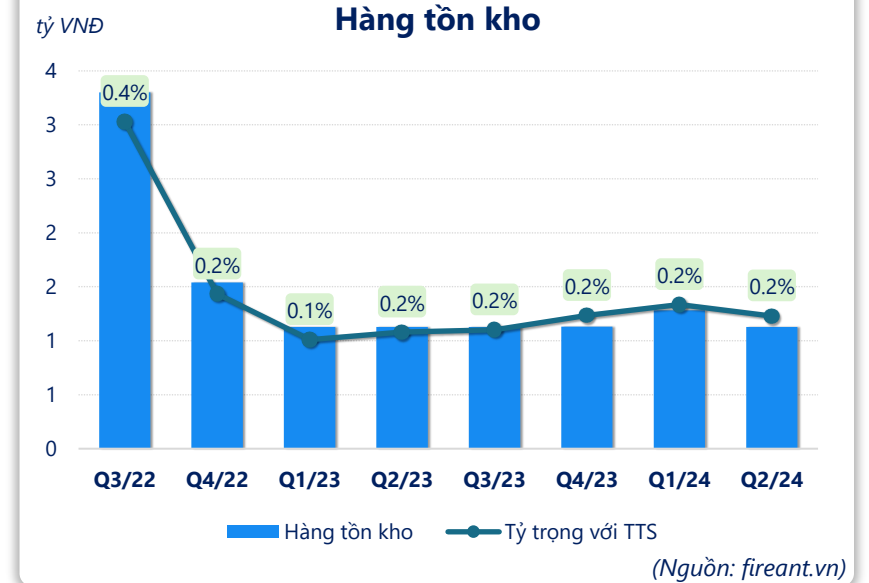
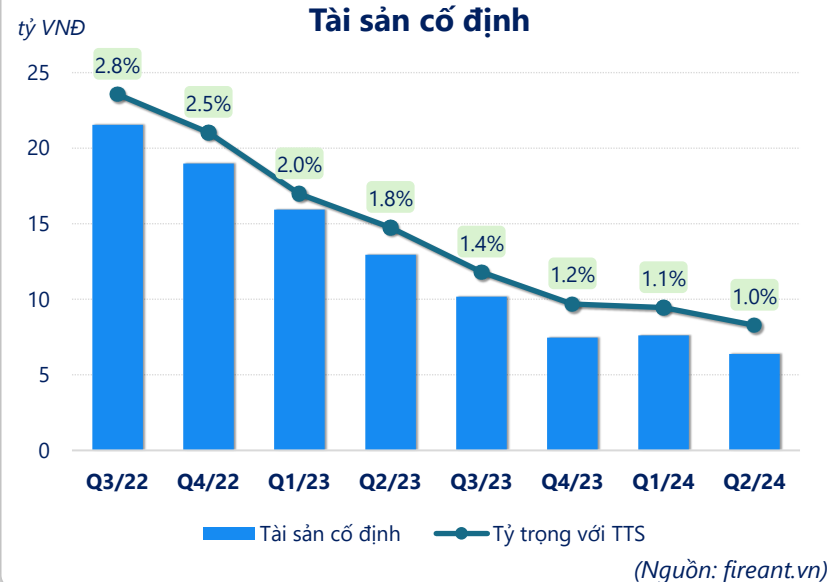
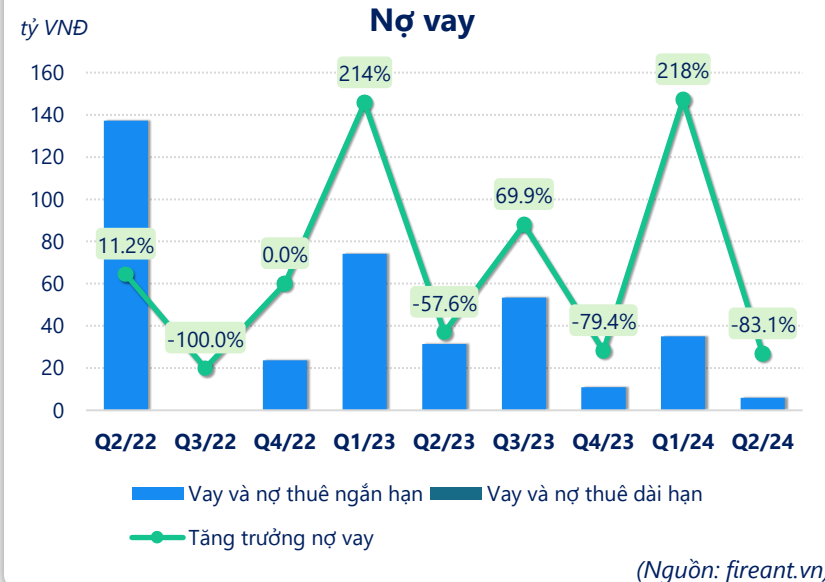
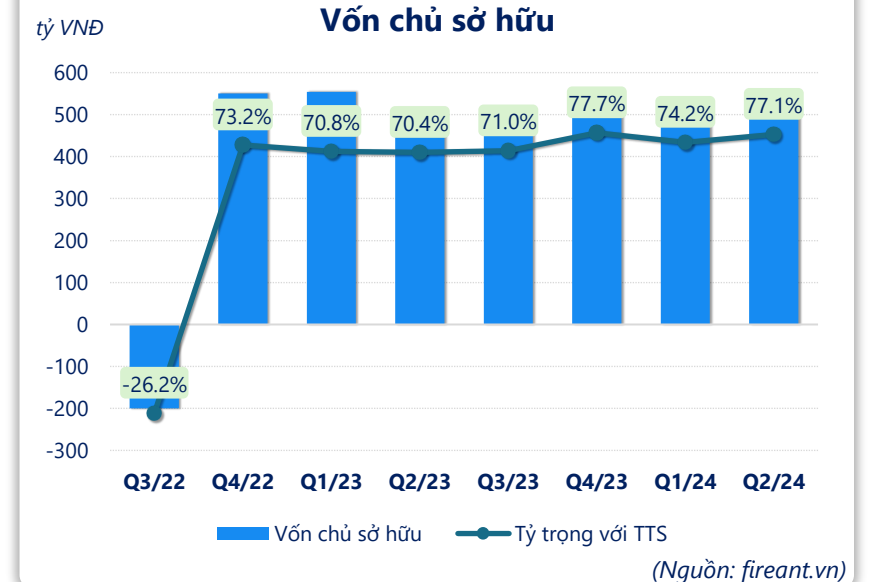
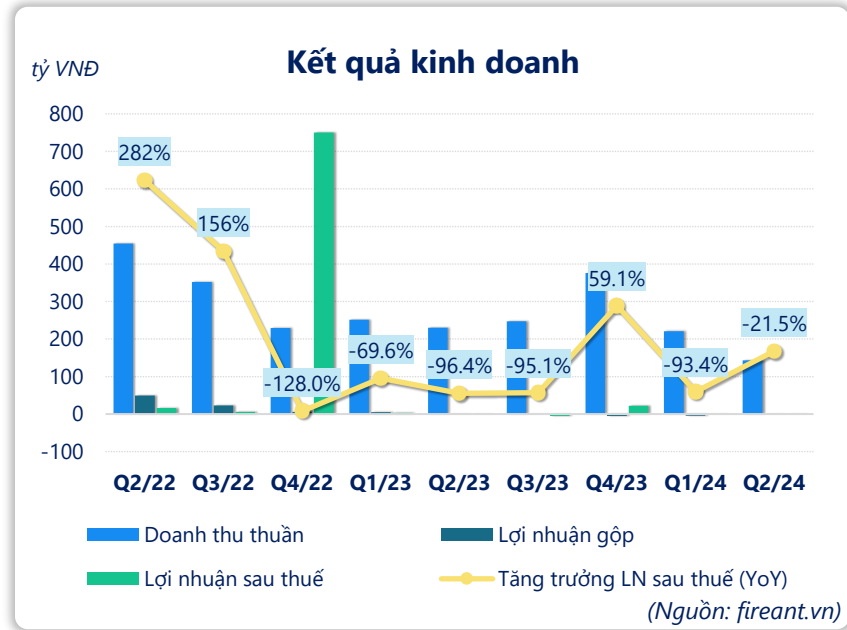
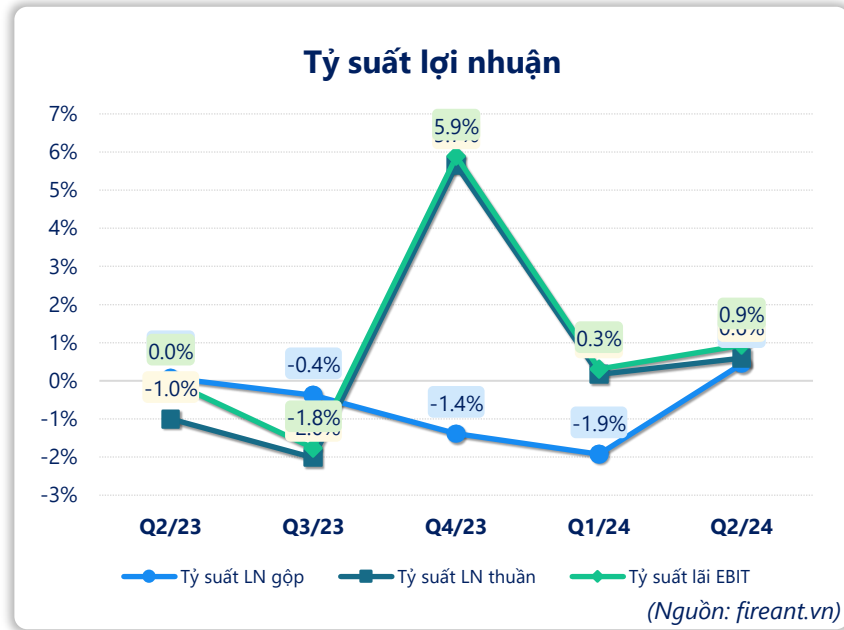
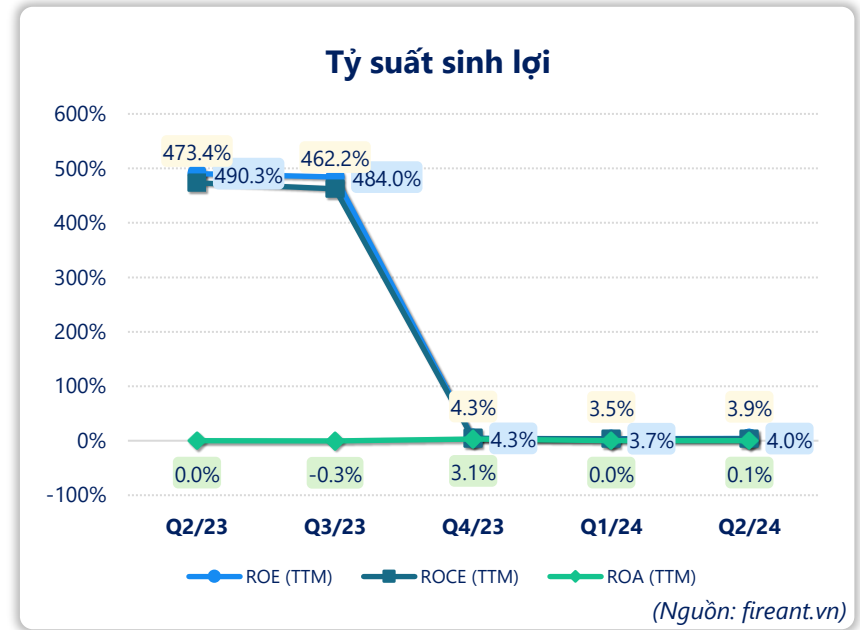
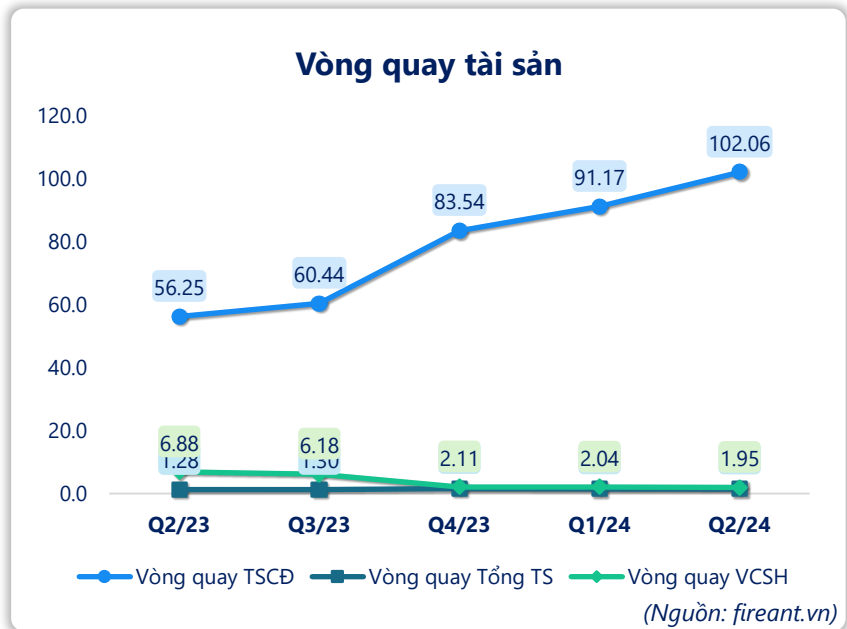
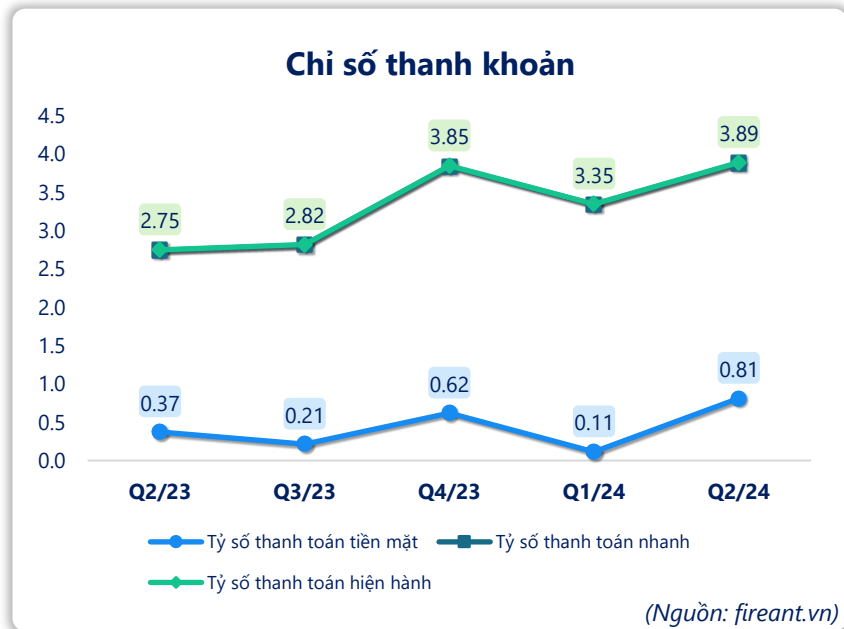
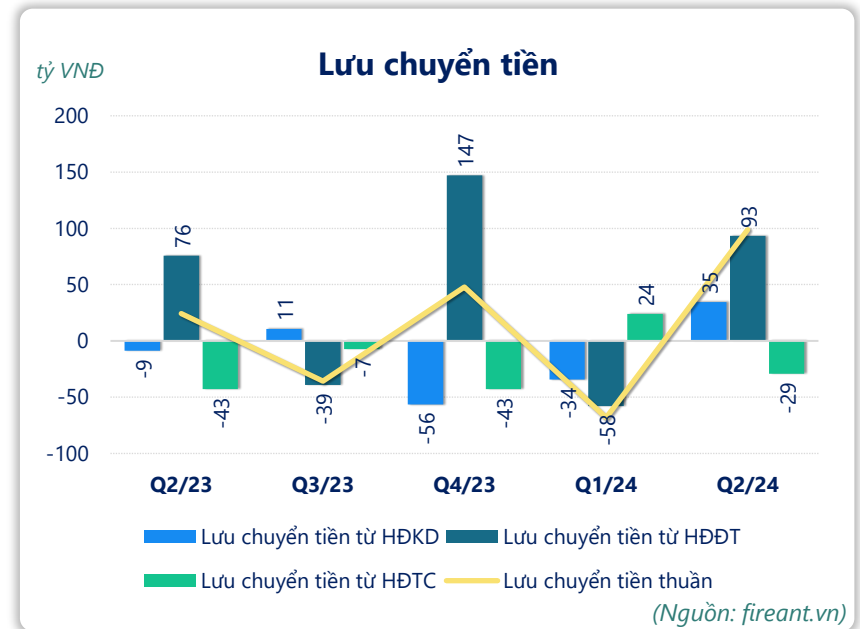


Thông tin giao dịch28/06/2024	
Giá hiện tại (VNĐ)	16,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,800
SL cổ phiếu LH	20,389,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	266,540
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	338
P/E	16.7
EPS	994

	YTD	1T	3T	6T
ABC	24.8%	35.0%	27.7%	24.8%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	642	641	0.1%
Tài sản ngắn hạn	568	546	3.9%
Tiền và tương đương tiền	118	87.7	34.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.9	11.9	0.0%
Phải thu ngắn hạn	405	403	0.5%
Hàng tồn kho	1.13	1.13	-0.2%
Tài sản ngắn hạn khác	30.8	41.9	-26.5%
Tài sản dài hạn	74.3	95.3	-22.0%
Phải thu dài hạn	1.81	1.79	1.5%
Tài sản cố định	6.38	7.46	-14.5%
Bất động sản đầu tư	18.5	19.1	-2.7%
Tài sản dở dang	1.65	1.57	5.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	44.7	64.7	-30.9%
Tài sản dài hạn khác	1.22	0.69	77.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	147	143	2.6%
Nợ ngắn hạn	146	142	2.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.90	11.0	-46.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.0	18.5	13.0%
Nợ dài hạn	1.00	1.11	-10.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	495	498	-0.6%
Vốn chủ sở hữu	495	498	-0.6%
Vốn điều lệ	204	204	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	230	247	376	220	143
Giá vốn hàng bán	230	248	381	225	142
Lợi nhuận gộp	0.16	-0.93	-5.22	-4.24	0.63
Doanh thu HĐTC	7.91	8.76	12.1	10.4	11.2
Chi phí TC	1.35	1.31	-2.05	0.32	0.85
Chi phí lãi vay	0.99	0.68	0.81	0.30	0.48
LN trong công ty LKLD	-0.31	-0.31	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.34	0.45	0.02	1.33	1.31
Chi phí QLDN	8.37	10.7	-12.4	4.12	8.86
LN thuần từ HĐKD	-2.30	-4.99	21.3	0.38	0.86
Lợi nhuận khác	1.27	-0.05	0.04	0.00	0.00
LN trước thuế	-1.03	-5.04	21.3	0.38	0.85
Lợi nhuận sau thuế	-1.29	-5.24	21.8	0.30	0.65
LNST của CĐ cty mẹ	-0.29	-2.47	21.8	0.30	0.65

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.73	10.7	-56.5	-34.2	34.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	75.8	-39.2	147	-58.0	93.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-42.7	-7.37	-42.7	23.9	-29.1
Tiền đầu kỳ	54.0	78.0	42.7	87.7	19.5
Lưu chuyển tiền thuần	24.4	-35.8	47.8	-68.2	98.8
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.32	0.47	0.01	0.00	0.01
Tiền cuối kỳ	78.0	42.7	87.7	19.5	118

(Nguồn: fireant.vn)